

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

2. Bà Trần Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa:* Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2024/QĐXX - ST ngày 11 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số 03/2024/QĐST- HNGĐ ngày 26/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà D, ngõ A, đường N, tổ E, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Số nhà D, ngõ A, đường N, tổ E, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Anh T vắng mặt tại phiên tòa, chị H có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/11/2023, cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 21/12/1996 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T thường hay uống rượu và đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn càng tăng nên vợ chồng chị đã sống ly thân, chị đã ra ngoài ở trọ và không chung sống cùng anh T từ tháng 8/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến thời điểm hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T, do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Bùi Văn T. Việc ly hôn chị đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Bùi Văn T có hai con chung là Bùi Văn H1, sinh ngày 15/11/1998 và Bùi Phương T1, sinh ngày 15/4/2003. Cả hai con Bùi Văn H1 và Bùi Phương T1 đều đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Văn T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H không chung thủy với anh, không quan tâm chăm lo cho gia đình, anh T cũng thừa nhận khoảng 5 năm nay anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, chị H đã chuyển ra ngoài sinh sống nhiều năm nay. Đến thời điểm hiện tại, chị H khởi kiện ly hôn thì chị H tự giải quyết. Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Bùi Văn H1, sinh ngày 15/11/1998 và Bùi Phương T1, sinh ngày 15/4/2003. Cả hai con Bùi Văn H1 và Bùi Phương T1 đều đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị H và anh T có hai con chung Bùi Văn H1, sinh ngày 15/11/1998 và Bùi Phương T1, sinh ngày 15/4/2003. Hai con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

- **Về thủ tục tố tụng:** Chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt của nguyên đơn. Anh Bùi Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

- **Về nội dung:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau có đăng ký ngày 21/12/1996, tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống giữa chị H và anh T không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Chị H và anh T đều bất đồng về suy nghĩ cũng như lối sống, hành động đều trái ngược nhau, do đó hai bên không quan tâm, không có trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ 8/2019 đến nay, chị H kiên quyết xin ly hôn anh T và hơn nữa anh T không có biện pháp gì cải thiện quan hệ hôn nhân, như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị H và anh T có hai con chung là Bùi Văn H1, sinh ngày 15/11/1998 và Bùi Phương T1, sinh ngày 15/4/2003. Đối với hai con H1, T1 đều đã trưởng thành nên không phải giải quyết.

[3]. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị H và anh T có hai con chung Bùi Văn H1, sinh ngày 15/11/1998 và Bùi Phương T1, sinh ngày 15/4/2003. Đối với hai con H1, T1 đều đã trưởng thành nên không phải giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001066 ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chuyển số tiền chị H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng sang tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH:
UBND xã Phú Xuân, thành
phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh